

Bản án số: 337/2019/DS-PT

Ngày: 24 - 12 - 2019

“V/v Yêu cầu chia tài sản chung,
Chia di sản thừa kế,
Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 25 tháng 11 và ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc: “Yêu cầu chia tài sản chung; Chia di sản thừa kế; Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh Thuận – Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C . .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Anh Lê Thanh C1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974 (có mặt).

4. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

7. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, phường Q, thị x, tỉnh Q .

Chị H2, anh Q1 và chị T1 ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P1 là bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa.

10. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Năm C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn H12 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Năm C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

11. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cà M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Dũng Tiến – Chỉ huy trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện Năm Căn (theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2018, có mặt).

12. Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Tiến – Chỉ huy trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện Năm Căn (theo giấy ủy quyền số 217/UQ-BCH ngày 24/3/2015, có mặt).

13. Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

14. Ông Trần Hữu T2 (vắng mặt).

15. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Ngọc G1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

16. Ông Nguyễn Văn Q2 và bà Phạm Thị N2 (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

18. Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1965 (vắng mặt).

19. Ông Trần Văn Nhiều (Trần Thanh N3, sinh năm 1959 (vắng mặt).

20. Bà Lê Thị B2, sinh năm 1960 (vắng mặt).

21. Anh Phạm Văn T4, sinh năm 1980 (vắng mặt).

22. Chị Tô Thị H3, sinh năm 1982 (vắng mặt).
23. Ông Nguyễn Đức N4, sinh năm 1966 (vắng mặt).
24. bà Trương Hồng Huệ (Trương Thị H4, sinh năm 1966 (vắng mặt)).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

25. Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1974 (vắng mặt).
26. Chị Lâm Thị Ngọc H5, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện N, tỉnh C ..

27. Anh Tạ Văn T5, sinh năm 1981 (vắng mặt).
28. Chị Phạm Nguyệt L2, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

29. Anh Nguyễn Xuân X, sinh năm 1985 (vắng mặt).
30. Chị Chu Thị H6, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện N, tỉnh C ..

31. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1969(vắng mặt).
32. Bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1981 (vắng mặt).
33. Anh Phan Quốc T6, sinh năm 1980 (vắng mặt).
34. Chị Huỳnh Thị Giàu H9, sinh năm 1981 (vắng mặt).
35. Anh Trương Minh L3, sinh năm 1980 (vắng mặt).
36. Chị Trương Thị Bích N5, sinh năm 1985 (vắng mặt).
37. Anh Thái Minh C2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

38. Ông Trần Thanh T7, sinh năm 1954 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

39. Anh Trần Văn T8, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của anh T8 là ông Đoàn Việt Phước, sinh năm 1959; Địa chỉ: 1941/55, Quốc lộ 1A, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

40. Ông Trần Văn S2 (vắng mặt).
41. bà Thái Thị Lệ Q3, sinh năm 1976 (vắng mặt).
42. Ông Nguyễn Hữu H10, sinh năm 1972 (vắng mặt).
43. Bà Dương Thị Mỹ H11, sinh năm 1971 (vắng mặt).
44. Anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 1999 (vắng mặt).
45. Chị Lâm Thị Bích P3 (vắng mặt).

46. Anh Ngô Trung S3 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà V và ông Nguyễn Đức Liệu (ông Liệu chết ngày 12/10/2011) chung sống với nhau vào năm 1984 không đăng ký kết hôn, vì lúc đó ông Liệu chưa ly hôn bà Nguyễn Thị Phần, bà V chưa ly hôn với ông Trương Ngọc Anh. Bà V với ông Liệu có một con chung tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1985.

Quá trình chung sống, bà V và ông Liệu có tạo lập tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất diện tích 11.316,7m², thuộc thửa số 161 tọa lạc tại khóm 3, thị trấn, huyện N, tỉnh C .. Khi ông Liệu còn sống, ông Liệu và anh P1 đã chuyển nhượng lại một phần diện tích đất cho nhiều người khác, một phần bị nhà nước thu hồi, diện tích còn lại 5.492,6m² anh P1 quản lý, đối với số tiền nhà nước đền bù khi thu hồi đất số tiền 1.588.098.090 đồng thì anh N1 nhận số tiền 321.348.165 đồng, anh C1 nhận số tiền 264.292.145 đồng, anh P1 nhận số tiền 352.320.170 đồng, phần ông Liệu số tiền 650.048.600 đồng chưa nhận vì đang tranh chấp.

Bà V yêu cầu anh P1 giao trả ½ diện tích đất hiện anh P1 đang quản lý; Yêu cầu được nhận ½ số tiền bồi thường do thu hồi đất; Yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Liệu để lại theo pháp luật.

Đối với phần đất mà ông Liệu đã chuyển nhượng cho người khác bà V không đặt ra yêu cầu, phần anh P1 chuyển nhượng thì phải trả lại để chia, chia bằng QSD đất.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P1 trình bày:

Anh P1 là con ruột ông Nguyễn Đức Liệu (chết ngày 12/10/2011) và bà Nguyễn Thị Phần (chết ngày 04/7/1997), ông Liệu và bà Phần có 06 người con tên: Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị T1.

Ông Liệu đến thị trấn Năm Căn vào năm 1987 và sinh sống tại đây, đến năm 2011 do bệnh nặng nên về quê Quảng Bình và mất tại đó. Ông Liệu chết để lại tài sản là hai căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khóm 3 thị trấn Năm Căn, bà V quản lý một căn nhà, anh B1 quản lý một căn nhà, phần tài sản này anh P1 không yêu cầu.

Đối với phần đất bà V yêu cầu chia có nguồn gốc là do ông Liệu ký hợp đồng thuê của Hải quân vùng 5 K51, diện tích 02 héc ta, anh P1 canh tác phần đất này từ năm 1990, đến năm 1994 ông Liệu làm giấy ủy quyền cho anh P1 quản lý nhà và đất. Trên phần đất hiện nay có nhà của vợ chồng Hoa, Nguyên và vợ chồng Phú. Từ thời điểm canh tác đến khi xảy ra tranh chấp anh P1 có đầu tư vào phần

đất số tiền khoảng 250.000.000 đồng. Hiện nay phần đất tranh chấp bị nhà nước thu hồi một phần, tiền bồi thường của anh P1, anh N1 và anh C1 đã nhận đủ; tiền bồi thường do ông Liệu đứng tên chưa nhận vì có tranh chấp.

Bà V yêu cầu giao trả ½ diện tích đất, ½ tiền bồi thường giải tỏa và yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Liệu, anh P1 không đồng ý, ngoài ra anh P1 cho rằng anh B1 không phải là con của ông Liệu, nếu cho rằng anh B1 là con của ông Liệu yêu cầu giám định gen (ADN).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn Văn N1 thống nhất trình bày:

Năm 1992 chị L1 và anh N1 canh tác trên phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn có chiều rộng 6m dài 100m là theo ý kiến của ông Nguyễn Đức Liệu. Năm 2000 chị L1 và anh N1 xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất, có sự chứng kiến của ông Liệu và bà V. Năm 2009 gia đình có mở cuộc họp chia đất cho các thành viên trong gia đình, cũng như lúc đầu chị L1 được tiếp tục sử dụng phần đất này và đã xây dựng 08 phòng trọ. Nhà nước thu hồi giải tỏa làm đường Hồ Chí Minh nên gia đình chị L1 được bồi thường tiền và đã nhận đủ.

Đối với phần đất hiện nay có căn nhà ở của chị L1 và anh N1 nằm cặp sông Xẻo Nạn là do nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị H1 năm 2010 giá 90.000.000 đồng, chiều rộng 6m x chiều dài từ đường Hồ Chí Minh đến sông Xẻo Nạn. Nguồn gốc là do chị H1 tự bao chiếm vào năm 1990, khi chuyển nhượng trên đất có căn nhà. Năm 2014 xây dựng mới căn nhà cấp 4 ngang 5m x dài 12m, giá trị hiện tại theo giá thị trường khoảng 1.200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà V và anh B1 thì chị L1 và anh N1 không đồng ý.

2. Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Thanh C1 thống nhất trình bày:

Chị H1 với anh C1 là vợ chồng, chị H1 là con ruột ông Liệu, ông Liệu có 06 người con như anh P1 trình bày, anh B1 không phải con của ông Liệu.

Chị H1 được ông Liệu cho phần đất có chiều ngang 06m x chiều dài 100m, do phần đất bị nhà nước thu hồi một phần nên chị H1 và anh C1 được bồi thường tiền và đã xong. Nay bà V yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, anh B1 yêu cầu chia thừa kế chị H1 và anh C1 không đồng ý.

3. Chị Nguyễn Thị P2 trình bày:

Năm 1998 chị P2 về chung sống với anh P1 thì anh P1 đã có phần đất này, anh chị có đầu tư cải tạo đất, có xây dựng nhà cấp 4 trên đất. Nay không đồng ý với yêu cầu của bà V vì không biết bà V là ai.

4. Anh Nguyễn Văn B1 trình bày:

Anh B1 là con ruột của ông Liệu và bà V, đối với anh P1 là anh cùng cha khác mẹ. Việc anh P1 yêu cầu giám định ADN anh B1 không đồng ý, vì có giấy khai sinh và sổ hộ khẩu chứng minh anh là con của ông Liệu với bà V. Nay anh B1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Liệu để lại bao gồm quyền sử dụng đất và tiền

bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật như bà V đã yêu cầu, anh B1 yêu cầu được nhận đất.

5. *Anh Nguyễn Đức Q1 trình bày:* Anh Q1 ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P1 toàn quyền tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án, không có ý kiến.

6. *Chị Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Chị là con của ông Liệu và bà Phần, chị không biết bà V và anh B1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V và anh B1 chị không đồng ý, ủy quyền toàn bộ cho anh P1 tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

7. *Chị Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Bà V cho rằng anh B1 là con của ông Liệu với bà V là không đúng, bởi năm 1985 ông Liệu và bà Phần làm ăn ở Phan Thiết, bà V ở Cà Mau thì làm sao quen biết có con sinh năm 1985. Chị không thừa nhận anh B1 là con của ông Liệu. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V và anh B1 thì chị không đồng ý, ủy quyền toàn bộ cho Phú tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

8. *Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Năm C, người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Dự án đường Hồ Chí Minh – Đất Mũi đi qua phần đất của ông Nguyễn Đức Liệu, anh Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Văn N1, anh Lê Thanh C1 các đương sự này được bồi thường tiền khi thu hồi đất, cụ thể:

Anh C1 số tiền 264.292.145 đồng, anh N1 số tiền 321.348.165 đồng, anh P1 số tiền 352.320.070 đồng, ông Liệu số tiền 724.110.080 đồng (có bổ sung).

Từ khi công khai dự án và niêm yết lần thứ nhất năm 2010, niêm yết lần thứ hai vào năm 2014 đến khi thực hiện việc chi tiền cho những hộ này thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Năm C không có nhận đơn khiếu nại hay tranh chấp gì xảy ra nên đã chi tiền cho anh P1, anh N1 và anh C1.

Tiền bồi thường của ông Liệu là số tiền 724.110.080 đồng, do ông Liệu chết và xảy ra tranh chấp nên chưa chi trả; Do anh P1 có khó khăn về kinh tế nên đơn vị cho anh P1 tạm ứng 99.000.000 đồng, số tiền còn lại hiện gửi kho bạc Nhà nước, đơn vị sẽ chi tiền theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án.

9. *Đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cà M trình bày:*

Phần đất bà V và anh P1 tranh chấp trước đây nằm trong đất quốc phòng được K51 giao lại, Bộ chỉ huy quân sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong phần đất các đương sự tranh chấp có 4.841m² là đất quốc phòng, khi nào quốc phòng có nhu cầu sử dụng thì anh P1 phải giao trả lại, Bộ chỉ huy quân sự sẽ không bồi hoàn thành quả lao động cho anh P1.

10. *Đại diện Ban chỉ huy quân sự huyện Năm C trình bày:*

Ngày 20/01/1990, ông Nguyễn Đức Liệu ký hợp đồng số 26 với Hải Quân Vùng Năm K51 về việc thuê đất làm ruộng tôm, năm 1992 đơn vị K51 giao lại Huyện đội quản lý, năm 1995 hết hợp đồng. Năm 2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà

Mau thu hồi giao về Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C quản lý, trong đó có 6.490m² đất nuôi trồng thủy sản mà ông Liệu hợp đồng với Hải quân K51.

Phần đất ông Liệu ký hợp đồng, nhưng từ năm 1996 anh P1 quản lý canh tác cho đến nay.

Năm 2010 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận số CT: 000195 thửa số 24 tờ bản đồ số 38; Số CT: CT 000196 thửa số 44 tờ bản đồ số 36, tổng diện tích 946.918,5m² cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau, trong đó có phần diện tích 4.841 m² do anh P1 canh tác quản lý.

Hiện nay phần đất này đã bơm cát có bản vẽ, anh P1 cho rằng nếu lấy lại thì phải bồi hoàn thành quả đầu tư trên đất; do phần đất này ông Liệu ký hợp đồng thuê với K51, sau khi K51 giao lại cho Huyện đội thì ông Liệu có cam kết khi nào lấy lại xây doanh trại thì sẽ giao trả và không đặt ra yêu cầu gì. Nay yêu cầu anh P1 giao trả lại cho Huyện đội là 4.841m², tiền bồi thường giải phóng mặt bằng không liên quan nên không yêu cầu.

11. Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C trình bày:

Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) thị trấn Năm Căn được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý phần đất tại khóm 3, thị trấn Năm Căn theo quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2008, khi nhận đất UBND thị trấn Năm Căn có kiểm tra lại hiện trạng nhưng không lập biên bản, thời điểm nhận đất thì toàn bộ khu đất này có người quản lý và sử dụng từ năm 1988 đến nay.

Theo số liệu bản đồ, sổ mục kê đăng ký đất đai năm 2012 do đơn vị tư vấn lập thì toàn bộ khu đất bà V, anh P1 tranh chấp thuộc tờ bản đồ 56, cụ thể: Phần đất anh P1 thuộc thửa số 163 diện tích 774m², thửa 74 diện tích 50,4m²; anh N1 thửa số 164 diện tích 493,5m² và thửa 72 diện tích 39,9m²; anh C1 thửa số 162 diện tích 458,8m² và thửa số 75 diện tích 17,7m²; ông Liệu (ghi nhầm Nguyễn Đức Thắng) thửa 161 diện tích 1.693,3m² và thửa số 78 diện tích 76,8m². Do các hộ đang quản lý canh tác có tên trong phương án đền bù giải tỏa và UBND huyện ra quyết định thu hồi đất nên được nhận tiền đền bù giải tỏa, số tiền đền bù giải tỏa của các hộ này đã nhận UBND thị trấn không đặt ra yêu cầu, nếu đất không tranh chấp được làm thủ tục đề nghị cấp quyền sử dụng đất.

12. Vợ chồng ông Nguyễn Văn S1 và bà Bùi Thị T3 thống nhất trình bày:

Tháng 6 năm 2011 vợ chồng ông S1 có nhận chuyển nhượng của ông Liệu phần đất ở khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Phần đất này hiện nay bà V có tranh chấp với anh P1. Diện tích phần đất có chiều rộng 4,5m chiều dài từ đường Hồ Chí Minh đến kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 44.000.000 đồng. Vị trí: Phía Đông giáp đất anh K, phía Tây giáp đất anh N1, chị L1, phía Bắc giáp sông Xẻo Nạn, phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, đôi bên có viết giấy tay có xác nhận trưởng khóm. Sau khi san nhượng ông bà đổ đất đắp nền dài khoảng 12m với số tiền 14.000.000 đồng, giá hiện tại khoảng 300.000.000 đồng. Nay bà V khởi kiện đòi trả đất để chia, vợ chồng ông S1 không đồng ý, vì vợ chồng ông không biết bà V là ai.

13. Ông Trần Văn Nhiều và bà Lê Thị B2 thống nhất trình bày:

Năm 2004 ông Nhiều và bà B2 có nhận sang nhượng của ông Liệu phần đất chiều ngang 4m x dài từ đường Hồ Chí Minh đến sông Xẻo Nạn, giá sang nhượng 10.000.000 đồng, có lập giấy chuyển nhượng viết tay, có bàn cận kê cận ký chứng kiến. Vị trí phần đất: Phía Đông giáp bà L1, phía Tây giáp ông N4, phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp sông Xẻo Nạn. Trên phần đất có căn nhà cấp 4, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nay đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V, vì không thấy bà V canh tác trên phần đất này.

14. Anh Phạm Văn T4, chị Tô Thị H3 thống nhất trình bày:

Ngày 29 tháng 12 năm 2014 anh chị có nhận sang nhượng của anh P1 phần đất chiều ngang 4,5m dài tính từ đường Hồ Chí Minh đến lộ nhỏ trước nhà ông Nhiều. Vị trí: Phía Đông giáp đất chị L1, phía Tây giáp đất ông N4, phía Bắc giáp đường bê tông (trước nhà ông N3, giá chuyển nhượng 55.000.000 đồng, phần đất này anh chị chưa xây dựng chỉ đổ đất đắp nền số tiền 11.000.000 đồng phần đất 04m chiều ngang, phần còn lại 0,5 m cặp nhà chị L1, anh N1 cho ông Nhiều làm đường đi vào nhà. Trường hợp yêu cầu của bà V được chấp nhận anh chị yêu cầu trả lại cho anh chị số tiền anh chị đã chuyển nhượng và tiền đầu tư trên đất là 66.000.000 đồng.

15. Ông Nguyễn Đức N4 và bà Trương Thị Huệ thống nhất trình bày:

Năm 2011 ông N4, bà H7 có nhận chuyển nhượng của ông Liệu một phần đất ở (nền đất trống) tại khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn chiều ngang 8,3m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Sông Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 60.000.000 đồng, đôi bên lập giấy tay, có chính quyền địa phương chứng kiến. Năm 2014 vợ chồng ông N4 xây nhà cấp 4 trên phần đất, căn nhà ngang 8,3m dài 19m; giá trị xây dựng khoảng 600.000.000 đồng, phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Khi nhận sang nhượng đất không có tranh chấp nên ông bà mới nhận chuyển nhượng và khi xây dựng nhà bà V cũng không có ý kiến. Nay bà V cho rằng đây là tài sản của bà V với ông Liệu và có yêu cầu đòi lại ông bà không chấp nhận.

16. Anh Phạm Ngọc D, chị Lâm Thị Ngọc H5 thống nhất trình bày ý kiến:

Anh chị có nhận sang nhượng hai phần đất ở, một phần sang của vợ chồng ông H7 chiều ngang 4,9m, chiều dài từ đường Hồ Chí Minh đến Sông Xẻo Nạn giá chuyển nhượng 345.000.000 đồng, nguồn gốc ông H7 nhận sang nhượng của anh P1; Phần đất thứ hai nằm cạnh phần đất thứ nhất; phần đất này đôi với vợ chồng ông T5 bù cho anh T5 số tiền 100.000.000 đồng, chiều ngang 04m, chiều dài từ đường Hồ Chí Minh đến sông Xẻo Nạn, nguồn gốc anh P1 chuyển nhượng cho vợ chồng anh X, anh X chuyển nhượng cho vợ chồng anh T5, giá trị đất hiện tại là khoảng 1.200.000.000 đồng.

Do không biết đất này có tranh chấp nên mới nhận chuyển nhượng, trên đất hiện có 01 căn nhà tiền chế anh chị xây dựng vào tháng 5 năm 2019, diện tích ngang mặt tiền 8,18m, ngang mặt hậu 8,65m, dài 6,97m. Trường hợp yêu cầu bà V

được chấp nhận thì yêu cầu anh P1 giao tiền cho bà V, nay anh chị yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này cho vợ chồng anh chị.

17. Anh Tạ Văn T5 trình bày:

Cách nay khoảng 3 – 4 năm nhớ không chính xác, anh có nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Xuân X một phần đất diện tích chiều ngang 4,5m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 45.000.000 đồng đôi bên có lập giấy tay. Năm 2016 ông đôi với ông Phạm Ngọc D để nhận phần đất khác của ông D chứ không có mua bán.

18. Anh Nguyễn Xuân X trình bày:

Khoảng cuối năm 2012 anh X có nhận chuyển nhượng phần đất của anh P1, chiều rộng 4,5m dài từ giữa sông Xẻo Nạn giáp với đường Hồ Chí Minh với giá 40.000.000 đồng, có viết giấy tay, chính quyền địa phương ký xác nhận. Năm 2013 anh X chuyển nhượng lại cho anh Tạ Văn T5.

19. Ông Nguyễn Văn H7 trình bày:

Khoảng năm 2008 ông có nhận chuyển nhượng của anh P1 một phần đất diện tích chiều rộng 4,9m dài từ đường Hồ Chí Minh đến Kênh Xẻo Nạn, giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng, đến năm 2015 ông sang lại cho ông D giá 150.000.000 đồng, việc mua bán chỉ có lập giấy tay, có trưởng khóm ký xác nhận.

20. Anh Phan Quốc T6, chị Huỳnh Thị Giàu H9 thống nhất trình bày:

Năm 2015 anh chị có nhận chuyển nhượng phần đất của anh Trương Minh L3 ngang 04m dài 25m, giá 400.000.000 đồng. Vị trí: Phía Đông giáp phần đất ông D, phía Tây giáp đất ông Tý (trước đây là ông T7), phía Nam giáp đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, trên phần đất có xây dựng căn nhà cấp 4 dài 17,5m ngang 4m. Nguồn gốc phần đất là năm 2011 anh L3 nhận chuyển nhượng của anh P1. Từ khi nhận chuyển nhượng nhà và đất đến nay anh chị có đầu tư sửa chữa nhà chi phí khoảng 200.000.000 đồng. Nay đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V, vì khi nhận sang nhượng, sửa chữa nhà bà V biết nhưng không ngăn cản hay có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp với ai.

21. Anh Trương Minh L3 trình bày:

Năm 2011 có nhận chuyển nhượng của anh P1 phần đất diện tích chiều ngang 4m dài từ đường Hồ Chí Minh đến kênh Xẻo Nạn, với giá 39.000.000 đồng. Khoảng tháng 2 -3 năm 2016 chuyển nhượng cho ông T6 với giá 390.000.000 đồng.

22. Anh Thái Minh C2 trình bày:

Năm 2000 anh C2 có sang nhượng phần đất của ông Nguyễn Quốc Thống, chiều ngang 12m, vị trí: Hướng Đông giáp Trần Thanh T7 (Trần Văn T8), hướng Tây giáp ông Lương Văn Vui, hướng Nam giáp sân bay Năm Căn, hướng Bắc giáp kênh Xẻo Nạn. Năm 2009 tặng cho anh Trần Văn T8 ngang 06m giáp ranh đất ông Liệu, anh T8 ủy quyền cho cha là ông Trần Thanh T7.

Đường Hồ Chí Minh đi ngang qua phần đất Nhà nước giải tỏa thu hồi có đền bù. Nay anh P1 cho rằng đất của anh P1 ngang 55m là không có cơ sở, bà V xác định 48,3m là phù hợp nên giữa anh với bà V thống nhất diện tích này, đề nghị Tòa án bác yêu cầu anh P1 về việc xác định chiều ngang đất là 55m, vì nếu như vậy là lấn ngang phần đất anh C2 0,7m và của ông T7 (anh T8) ngang 06m dài 72,4m đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Anh C2 có đơn yêu cầu độc lập, đến ngày 07/7/2016 anh C2 có đơn gửi đến Tòa án đề nghị rút lại đơn yêu cầu đối với anh P1, vì vụ việc của anh C2, anh T8 tranh chấp với anh P1 hiện nay UBND huyện Năm Căn đang giải quyết.

23. Ông Trần Thanh T7 trình bày:

Phần đất có tranh chấp giữa bà V, anh P1 là do ông T7 và cháu là Thái Minh C2 nhận chuyển nhượng của ông Thống vào năm 2000, với giá 7.500.000 đồng, do Chiến đứng tên trong giấy tờ, diện tích ngang 12m dài 100m; Vị trí: Phía Đông giáp đất ông Tư Liệu, phía Tây giáp Ba Châm, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, phía Nam giáp sân bay. Năm 2009 cắt chia làm 04 phần mỗi phần 06m ngang, tính từ đường Hồ Chí Minh đi về hướng Tây (Đất Mũi) thì phần bên vách trái Chiến và Tình sử dụng, phần bên vách phải dài giáp kênh Xẻo Nạn anh Việt và ông T7 quản lý.

Anh P1 xác định phần đất của ông Tư Liệu 55m như vậy lấn qua một phần đất của anh T8 con trai ông là không đúng, đất ông Tư Liệu chỉ có 48,3m như bà V xác định là đúng.

24. Anh Trần Văn T8 trình bày:

Tranh chấp đất giữa bà V, anh P1 không liên quan đến anh, vì anh và anh C2 đang yêu cầu UBND huyện Năm Căn giải quyết tranh chấp với ông P1 nên từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt khi giải quyết vụ án.

25. Bà Thái Thị Lệ Q3 trình bày:

Năm 2005 vợ chồng bà Q1ên có nhận chuyển nhượng của anh N1, chị L1 diện tích đất ngang 4,5m, đôi bên có lập giấy tay, có ông Liệu ký tên đồng ý cho chuyển nhượng nhưng không đến cơ quan chức năng ký xác nhận, giá sang nhượng 15.000.000 đồng, năm 2009 vợ chồng bà Q1ên cất nhà cấp 4 trên phần đất, khi xây dựng nhà bà V cũng không có ý kiến. Khi nhận chuyển nhượng phần đất bà Q1ên với ông S1 còn sống chung, sau đó ly hôn ông bà thỏa thuận giao cho bà Q1ên quản lý, sử dụng nhà và đất; hiện nay ông S1 ở đâu không biết, bà V khởi kiện đòi lại phần đất bà Q1ên không đồng ý.

26. Ông Nguyễn Hữu H10 trình bày:

Năm 2013 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Trần Hữu T2 (do ông Trần Minh Cảnh tặng cho Thiện, ông Cảnh đã chết), với giá 60.000.000 đồng, diện tích ngang 5m dài 22m. Vị trí: Phía Nam đường Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp kênh Xẻo Nạn, phía Đông giáp với ông S1 - bà Q1ên, phía Tây giáp ông K. Năm 2014 xây dựng nhà ngang 4,5m dài 17m nhà cấp 4, số tiền hơn 100.000.000 đồng.

Khi sang nhượng có lập giấy tay, có địa phương xác nhận, xây dựng nhà cũng không ai cản trở và cũng không xảy ra tranh chấp với ai, nay bà V yêu cầu lấy lại đất không đồng ý, vì đất ông Liệu sang cho ông Cảnh và ông Cảnh cho con trai là Thiện. Nếu yêu cầu của bà V được chấp nhận phải hoàn trả lại giá trị bằng tiền đối với đất và nhà theo giá hiện nay.

27. Anh Nguyễn Quốc K, chị Nguyễn Thị Ngọc G1 thống nhất trình bày:

Tháng 3/2015 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn Q2 diện tích ngang 04m dài 17m, giá chuyển nhượng 245.000.000 đồng. Vị trí phần đất: Mặt tiền đường Hồ Chí Minh, hậu giáp sông Xẻo Nạn, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông H10, vách trái giáp ông S1, khi sang nhượng có lập giấy tay có xác nhận của chính quyền địa phương. Nguồn gốc phần đất do ông Q1ết nhận chuyển nhượng của ông Liệu năm 2008.

Tháng 4 năm 2016 vợ chồng tôi xây dựng nhà cấp 4 trên phần đất, diện tích ngang 4m dài 17m đổ sàn bê tông, giá xây dựng 380.000.000 đồng, trước khi xây dựng có xin phép đô thị thị trấn, lúc xây dựng nhà bà V có ngăn cản nhưng sau đó đến thị trấn làm việc bà V có nói là đất sang của ông Liệu thì thôi, tính đâu sang của Phú thì không được xây dựng. Nay yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất của vợ chồng tôi với ông Q1ết là hợp pháp.

28. Cháu Nguyễn Văn L4 (con anh P1) trình bày:

Cháu là con ruột anh P1 và chị P2, từ nhỏ đã sinh sống cùng cha mẹ tại căn nhà cất trên phần đất có tranh chấp, hiện nay cháu còn đi học. Việc tranh chấp đất của cha là Nguyễn Văn P1 cháu không yêu cầu để tự cha quyết định.

29. Chị Lâm Thị Bích P3, anh Ngô Trung S3 (chồng bà P3) đồng ý kiến trình bày:

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 vợ chồng chị P3, anh S3 có nhận chuyển nhượng nhà và đất ở của ông Phan Quốc Toàn và bà Huỳnh Thị Giàu H9 tại khóm 3, thị trấn, huyện N, tỉnh C .. Khi mua nhà và đất của ông Toàn, bà H9 thì anh chị có làm giấy chuyển nhượng hợp pháp, được sự chứng kiến của bàn cận, kế cận và chính quyền địa phương xác nhận. Do đó giữa anh chị và bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức Liệu không có liên quan trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất.

Đối với ông Trần Văn S2 chồng bà Q1ên, ông Trần Hữu T2, ông Phạm Văn Quyết, bà Phạm Thị N2 vợ ông Q1ết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định nhưng các đương sự không có ý kiến bằng văn bản trả lời cho Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc kiện đòi chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 4.282m² phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn, huyện N, tỉnh C .., hiện nay anh P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; tiền bồi thường

là 1.588.098.909 đồng (trong đó bà V yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất và 01 kỷ phần của ông Liệu để lại; $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường và 01 kỷ phần tiền ông Liệu để lại).

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Liệu. Phần đất diện tích 2.141m². Phần đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn, huyện N, tỉnh C., hiện nay anh P1, vợ chồng anh C1, vợ chồng anh N1 đang quản lý; tiền bồi thường là 103.444.297 đồng (trong đó gồm 01 kỷ phần của diện tích đất 2.141m²; 01 kỷ phần của số tiền 724.110.080 đồng).

Đối với số tiền bồi thường là 650.048.600 đồng còn lại tại Kho bạc Nhà nước huyện Năm Căn, Trung tâm Phát triển quỹ đất kết hợp với Kho Bạc Nhà nước huyện Năm Căn có trách nhiệm chi trả cho anh Nguyễn Văn P1 theo quy định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/8/2019 anh Nguyễn Văn B1 kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn có kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS, cùng nội dung cầu cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho anh B1.

Ngày 28/8/2019 Bà Nguyễn Thị V kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, yêu cầu cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho anh B1.

Bà V và anh B1 thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, xác định phần đất có diện tích đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết là 4.846m². Luật sư bảo vệ cho bà V và anh B1 tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V và anh B1.

Anh P1 tranh luận yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn và chấp nhận kháng cáo của anh B1, không chấp nhận kháng cáo của bà V, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/8/2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn có kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn về phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B1 về chia di sản thừa kế của ông Liệu là quyền sử dụng đất và tiền bồi thường do đất bị thu hồi, kháng nghị theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh B1 đối với di sản của ông Liệu. Cùng ngày 28/8/2019 anh B1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc

thẩm xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh B1, đối với bà V yêu cầu xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V và anh B1 thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích đất, cụ thể bà V yêu cầu chia tài sản chung phần đất diện tích 4.846m², bà V và anh B1 yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 2.423m².

[2] Xét yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của bà V và anh B1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bà V yêu cầu chia 1/2 diện tích đất theo mảnh trích đo thực tế theo hướng bên phải từ Năm Căn đi Đất Mũi gồm các thửa số: Từ thửa số 01 đến thửa số 11, phía bên trái thửa số 12, 13, 14 tổng diện tích thực tế là 4.846,8m², đã trừ hành lang lộ giới theo mảnh trích đo. Sau khi trừ phần ông Liệu chuyển nhượng cho người khác thửa số: 03, 04, 08, 09 tổng diện tích 564,8m², phần còn lại diện tích 4.282m² bà V yêu cầu chia tài sản chung được nhận 1/2 là 2.141m², còn lại 1/2 diện tích là 2.141m² yêu cầu chia di sản thừa kế. Đối với anh B1 có yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích là 2.141m². Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà V và anh B1, không đồng ý với án sơ thẩm đã xét xử, bà V và anh B1 cũng chỉ kháng cáo trong giới hạn diện tích phần đất đã yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V yêu cầu giải quyết phân chia phần đất 4.846m², anh B1 yêu cầu giải quyết phân chia phần đất diện tích 2.423m² là vượt quá yêu cầu tại cấp sơ thẩm, cũng như vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, do đó đối với phần diện tích bà V và anh B1 yêu cầu vượt quá so với yêu cầu tại cấp sơ thẩm cũng như vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu không được chấp nhận xem xét.

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây do ông Nguyễn Đức Liệu ký hợp đồng thuê đất với đơn vị Hải quân vùng 5 K51 vào năm 1990, theo nội dung hợp đồng thuê đất thể hiện thời hạn thuê đất 05 năm là thực tế có xảy ra, điều này đã được các đương sự thừa nhận.

[3.1] Bà V cho rằng phần đất ông Liệu ký hợp đồng thuê đất với Hải quân vùng 5 K51 vào năm 1990 là tài sản chung do bà V và ông Liệu tạo lập được khi bà V với ông Liệu sống chung vào năm 1984. Xét lời trình bày của bà V thấy rằng, hợp đồng thuê đất được ký kết với Hải quân vùng 5 K51 xuất phát từ việc cá nhân ông Nguyễn Đức Liệu thực hiện, ngoài ông Liệu thì không còn cá nhân nào khác cùng tham gia ký kết tại hợp đồng thuê đất. Việc bà V không cùng ông Liệu tham gia ký kết hợp đồng thuê đất, cũng như tại thời điểm này bà V chưa ly hôn ông Anh, ông Liệu chưa ly hôn bà Phần, pháp luật không công nhận bà V với ông Liệu là vợ chồng thì bà V không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần đất ông Liệu ký hợp đồng thuê với Hải quân vùng 5 K51 vào năm 1990 là tài sản chung của bà với ông Liệu. Mặc khác khi ông Liệu còn sống, bà V có đơn yêu cầu ly hôn với ông Liệu, tại bản tự khai ông đã xác định ông Liệu với bà V không có tài sản chung. Đối với Huyện đội Năm Căn và Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C xác định, kể từ khi các đơn vị này được bàn giao đất, đã biết việc anh P1 trực tiếp quản lý sử dụng phần đất trước đây ông Liệu ký hợp đồng thuê đất với Hải quân vùng 5 K51, ngoài việc Huyện đội Năm Căn và Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C xác định nội dung trên thì nhiều người dân sinh sống tại địa phương cũng có xác nhận anh P1 đã

trực tiếp quản lý sử dụng đất này thời gian dài từ năm 1990 đến nay. Như vậy thấy rằng kể từ năm 1995, khi ông Liệu hết hạn hợp đồng thuê đất thì không có cá nhân nào thuê đất đối với phần đất trước đó ông Liệu đã ký thuê với Hải quân vùng 5 K51, và ông Liệu cũng không được cơ quan có thẩm quyền cấp đất hay giao đất đối với phần đất đã thuê trước đó, trên thực tế anh P1 quản lý sử dụng phần đất này đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ra quyết định giao lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C năm 2008 và đến thời điểm dự án đường Hồ Chí Minh được triển khai thì bà V phát sinh tranh chấp, từ những phân tích trên không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của bà V với ông Liệu, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất có diện tích 4.282m² theo yêu cầu của bà V là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu của bà V và anh B1 về việc chia thừa kế phần đất diện tích 2.141m² thấy rằng: Như đã phân tích đánh giá trên, khi hết hạn theo hợp đồng thuê đất vào năm 1995, ông Liệu không được cơ quan có thẩm quyền cấp đất hay giao đất đối với phần đất đã thuê vào năm 1990 từ Hải quân vùng 5 K51, đến năm 2008 Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao đất theo quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2008, trong đó có phần diện tích đất hiện bà V và anh B1 có yêu cầu phân chia thừa kế, từ căn cứ trên cấp sơ thẩm xác định phần đất bà V và anh B1 yêu cầu chia thừa kế không phải là di sản của ông Liệu là có căn cứ. Việc bà V và anh B1 căn cứ vào sổ mục kê và biên bản họp gia đình để xác định đất tranh chấp là của ông Liệu là chưa thuyết phục, bởi theo Ủy ban nhân dân thị trấn Năm C xác định thì sổ mục kê năm 2012 là do đơn vị tư vấn thiết lập, như đã phân tích đánh giá phần đất tranh chấp không phải là của ông Liệu nên việc họp gia đình theo anh P1 xác định chỉ là hình thức nên không có đầy đủ thành viên gia đình tham gia, ông Liệu có hai căn nhà tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Năm Căn đã di chúc lại cho bà V và anh B1 là có cơ sở, từ đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà V và anh B1, cũng như không chấp nhận ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V và anh B1, xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà V và anh B1 là có căn cứ.

[3.3] Như đã phân tích đánh giá, đối với số tiền bồi thường về đất và tài sản có trên đất do ông Liệu đứng tên 724.110.080 đồng, Hội đồng bồi thường đã chi do anh P1 nhận 74.060.480 đồng, số tiền còn lại 650.049.600 đồng cấp sơ thẩm xử giao anh P1 được nhận theo quy định là phù hợp.

[4] Từ những căn cứ đã phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhận dân huyện Năm Căn, không chấp nhận cáo của bà V và anh B1, cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V và anh B1 về việc đề nghị xem xét về công sức đóng góp của bà V đối với phần đất tranh chấp.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B1 và bà V. Nên anh B1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, bà V là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc chia tài sản chung với ông Nguyễn Đức Liệu và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất phần đất diện tích 4.282m² tọa lạc tại khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C . và số tiền bồi thường là 1.588.098.909 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức Liệu đối với phần đất diện tích 2.141m² tọa lạc tại khóm 3, thị t, huyện N, tỉnh C ., và số tiền bồi thường là 103.444.297 đồng .

Anh Nguyễn Văn P1 được nhận tiền bồi thường còn lại 650.049.600 đồng theo quy định.

Về chi phí tố tụng số tiền 67.190.000 đồng, bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền là 32.800.000 đồng, Anh Trần Văn T8 phải chịu số tiền là 34.390.000 đồng. Bà V, anh T8 đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị V được miễn theo quy định, ngày 29 tháng 12 năm 2014 bà V có dự nộp tạm ứng với số tiền 19.975.257 đồng theo biên lai thu tiền số 0014447 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

- Anh Nguyễn Văn B1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 29 tháng 3 năm 2017 anh B1 có dự nộp tạm ứng số tiền 2.841.400 đồng theo biên lai thu tiền số 0015363 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ anh B1 được nhận lại số tiền 2.541.400 đồng.

- Anh Thái Minh C2 không phải chịu, ngày 08 tháng 6 năm 2016 anh C2 có dự nộp số tiền 762.200 đồng theo biên lai thu tiền số 0014969 của Chi cục Thi hành án huyện Năm Căn anh C2 được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Văn B1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 28 tháng 8 năm 2019 anh B1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng được theo biên lai thu tiền số 0006853 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn chuyển thu.

- Bà Nguyễn Thị V được miễn án phí theo quy định.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung